

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13.....;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật an toàn, vệ sinh lao động sau đây:

- Đối tượng, nội dung, thời gian, chương trình huấn luyện; định kỳ huấn luyện; huấn luyện đột xuất; tiêu chuẩn người huấn luyện; yêu cầu bảo đảm khi cung cấp dịch vụ huấn luyện, tự huấn luyện; quản lý hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động tại khoản 8 Điều 14;

- Kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc và điều kiện hoạt động của tổ chức quan trắc môi trường lao động bảo đảm phù hợp với Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp tại khoản 5 Điều 18;

- Trách nhiệm ban hành Danh mục các loách nhiệm ban hành Danh mục các t.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Doanh-nghiep-2014-2; phân công trách nhiệm quản lý các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động tại khoản 2 Điều 28;

- Cơ quan có thẩm quyền cấp, điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp mới, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; tiêu chuẩn

kiểm định viên đáp ứng các yêu cầu kiểm định của đối tượng kiểm định; việc kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động tại khoản 3 Điều 31;

- Biện pháp thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng lao động, người lao động theo quy định tại Điều 2 Luật an toàn, vệ sinh lao động.

2. Đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đối tượng kiểm định là máy, thiết bị, vật tư thuộc Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Nội vụ ban hành.

2. Người huấn luyện cơ hữu của tổ chức là người đủ tiêu chuẩn người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, đồng thời thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người được tuyển dụng hoặc làm việc theo hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn;

b) Người được cử, điều động, biệt phái, luân chuyển, kiêm nhiệm làm việc tại tổ chức trong cùng hệ thống doanh nghiệp, có thời gian từ 12 tháng trở lên;

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang làm việc cho tổ chức hoặc được cử, điều động, biệt phái, luân chuyển đến làm việc cho tổ chức.

d) Người sáng lập hoặc điều hành doanh nghiệp.

3. Nhóm huấn luyện là các đối tượng huấn luyện có chung đặc điểm chung về công việc, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động và được phân loại theo quy định tại Nghị định này.

4. Kỹ thuật viên kiểm định là người thực hiện một số công việc cụ thể trong quy trình kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động dưới sự chỉ đạo, giám sát của kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động.

Chương II

HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

Điều 4. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Bảo đảm thiết bị, dụng cụ (sở hữu, quyền sử dụng hoặc thuê, liên kết) phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định.

b) Có ít nhất 02 kiểm định viên là viên chức hoặc người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên thuộc tổ chức để thực hiện kiểm định đối với mỗi đối tượng thuộc phạm vi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

c) Người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định của tổ chức phải có thời gian làm kiểm định viên tối thiểu 02 năm.

2. Các thiết bị, nhân lực nêu tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này chỉ được sử dụng để làm điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với một tổ chức.

Điều 5. Hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;
- b) Bản sao quyết định thành lập đối với đơn vị sự nghiệp;
- c) Danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định;
- d) Danh sách kiểm định viên;
- đ) Một trong các tài liệu sau để chứng minh kinh nghiệm của người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định:
 - đ1) Bản sao sổ hoặc tờ rời về tham gia bảo hiểm xã hội hoặc dữ liệu điện tử về đóng bảo hiểm xã hội;
 - đ2) Bản sao hợp đồng lao động;
 - đ3) Bản sao biên bản kiểm định kèm theo bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định.
 - đ4) Bản sao chứng chỉ kiểm định viên.

2. Hồ sơ gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bao gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận;

b) Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này trong trường hợp có sự thay đổi.

3. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được quy định như sau:

a) Đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận, hồ sơ bao gồm:

a1) Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận;

a2) Bản sao Giấy chứng nhận đã được cấp. Trường hợp, có thể tra cứu được dữ liệu về Giấy chứng nhận thì không phải nộp thành phần hồ sơ này.

a3) Tài liệu chứng minh thay đổi về điều kiện cấp Giấy chứng nhận.

b) Đối với Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, tổ chức gửi Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đến cơ quan có thẩm quyền.

4. Mẫu các thành phần hồ sơ tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Hồ sơ gửi điện tử được tiếp nhận trực tuyến có giá trị như hồ sơ giấy được tiếp nhận tại Bộ phận một cửa.

Điều 6. Thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

Cơ quan có thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động là cơ quan có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 7. Thủ tục, trình tự cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Tổ chức có nhu cầu cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ đến một trong các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 của Nghị định này bằng một trong các hình thức sau:

a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;

b) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

c) Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Khi nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ chức đồng thời nộp phí thẩm định theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp nội dung hồ sơ không bảo đảm theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc thư điện tử đến tổ chức nộp hồ sơ để hướng dẫn sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong khoảng thời gian 60 ngày

kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành thông báo hướng dẫn sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức không nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung thì cơ quan có thẩm quyền trả lại hồ sơ đăng ký.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thẩm định, đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đề nghị về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này, trừ trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận mà hồ sơ đề nghị cấp lại không có sự thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận liền kề.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định điều kiện cấp Giấy chứng nhận, Cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do.

6. Hồ sơ gia hạn chỉ được tiếp nhận trong khoảng thời gian từ 30 ngày đến 90 ngày trước khi hết thời hạn trong Giấy chứng nhận. Trường hợp Giấy chứng nhận có thời hạn hiệu lực dưới 30 ngày hoặc Giấy chứng nhận đã hết thời hạn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động nộp 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận.

7. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục Ib ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 8. Thời hạn và giá trị của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định là 05 năm đối với Giấy chứng nhận cấp mới hoặc gia hạn; thời gian còn lại của Giấy chứng nhận đã được cấp đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bản điện tử được xác thực có giá trị như Giấy chứng nhận bản giấy.

Điều 9. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bị thu hồi một trong các trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn đình chỉ hoạt động kiểm định mà không khắc phục được các nguyên nhân bị đình chỉ hoạt động kiểm định;

b) Hoạt động kiểm định trong thời gian bị đình chỉ hoạt động.

c) Sau 6 tháng kể từ khi có thay đổi điều kiện hoạt động làm cơ sở cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động, nếu tổ chức không đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 4 của Nghị định này;

d) Hoạt động kiểm định trong thời gian không bảo đảm các điều kiện được quy định tại Điều 4 của Nghị định này;

đ) Giả mạo hoặc khai man các tài liệu trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận;

e) Bị giải thể, phá sản.

2. Tổ chức bị thu hồi giấy chứng nhận theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này được xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định sau 6 tháng, kể từ ngày Quyết định thu hồi giấy chứng nhận có hiệu lực.

Điều 10. Tiêu chuẩn kiểm định viên

1. Có trình độ đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật.

2. Có ít nhất 01 năm làm kỹ thuật viên kiểm định và 05 lần tham gia kiểm định với vai trò kỹ thuật viên kiểm định.

3. Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định.

Điều 11. Chứng chỉ kiểm định viên

1. Chứng chỉ kiểm định viên được cấp cho cá nhân bảo đảm tiêu chuẩn của kiểm định viên theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

2. Chứng chỉ kiểm định viên được cơ quan có thẩm quyền cấp lại trong trường hợp sau đây:

a) Bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên;

b) Chứng chỉ kiểm định viên hết hạn;

c) Chứng chỉ kiểm định viên bị mất hoặc hỏng;

d) Cấp lại sau khi chứng chỉ kiểm định viên bị thu hồi.

3. Chứng chỉ kiểm định viên bản điện tử được xác thực có giá trị pháp lý như Chứng chỉ kiểm định viên bản giấy.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên

1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên;

b) Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người đề nghị cấp chứng chỉ có chứng thực hoặc bản chụp bằng tốt nghiệp đại học trở lên đối với trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến. Trường hợp, có thể tra cứu được dữ liệu về bằng tốt nghiệp đại học thì không yêu cầu cá nhân phải nộp thành phần hồ sơ này.

c) Tài liệu về quá trình tham gia bảo hiểm xã hội hoặc dữ liệu điện tử về đóng bảo hiểm xã hội hoặc hợp đồng lao động tại tổ chức kiểm định; giấy xác nhận thời gian làm kỹ thuật viên kiểm định; 05 bản sao biên bản kiểm định đã tham gia với vai trò làm kỹ thuật viên.

d) Tài liệu chứng minh đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định.

2. Trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên;

b) Bản gốc chứng chỉ đã được cấp hoặc bản sao chứng chỉ đã được cấp khi thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

c) Tài liệu chứng minh sự phù hợp của yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên khi hết hạn, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên;

b) Bản gốc chứng chỉ đã được cấp hoặc bản sao chứng chỉ đã được cấp khi thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

c) Kết quả bồi dưỡng nghiệp vụ trước khi cấp lại trong khoảng thời gian 12 tháng, tính từ ngày hồ sơ được tiếp nhận trong trường hợp Chứng chỉ hết hạn không quá 12 tháng tính đến thời điểm hồ sơ được tiếp nhận; hoặc tài liệu chứng minh đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định được tổ chức sau thời điểm chứng chỉ hết hạn đối với trường hợp Chứng chỉ hết hạn quá 12 tháng tính đến thời điểm hồ sơ được tiếp nhận.

4. Trường hợp chứng chỉ kiểm định viên bị hỏng hoặc mất, cá nhân có nhu cầu nộp đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên.

5. Chứng chỉ kiểm định viên bị thu hồi được xem xét để cấp lại, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên;

b) Báo cáo việc thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền về khắc phục sai phạm;

c) Tài liệu chứng minh đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định tổ chức sau thời điểm quyết định thu hồi chứng chỉ có hiệu lực đối với trường hợp quy định tại các điểm c và d khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

6. Mẫu các thành phần hồ sơ tại Điều này được quy định tại Phụ lục Ib ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 13. Thẩm quyền cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên không phụ thuộc vào địa giới hành chính, trừ lĩnh vực quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Bộ Quốc phòng có thẩm quyền cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên đối với hoạt động kiểm định máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phục vụ quốc phòng, đặc thù quân sự.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp, ủy quyền thực hiện việc cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, mẫu và thời hạn Chứng chỉ kiểm định viên

1. Trình tự cấp, cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên được quy định như sau:

a) Cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên nộp 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan có thẩm quyền tại Điều 13 của Nghị định này bằng một trong các hình thức sau:

a1) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;

a2) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

a3) Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Trường hợp nội dung hồ sơ không bảo đảm theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc thư điện tử đến cá nhân nộp hồ sơ để hướng dẫn sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong khoảng thời gian 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành thông báo hướng dẫn sửa đổi, bổ sung nếu cá nhân không nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung thì cơ quan có thẩm quyền trả lại hồ sơ đăng ký.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và bảo đảm theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, Cơ quan có thẩm quyền đánh giá hồ sơ và xem xét cấp, cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên. Trường hợp không cấp, cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đề nghị có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp cấp lại chứng chỉ kiểm định viên khi hết hạn, cá nhân có thể gửi hồ sơ đề nghị cấp lại trước thời điểm Chứng chỉ hết hạn không quá 90 ngày để được xem xét cấp lại.

3. Mẫu chứng chỉ kiểm định viên được quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục Ib ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Chứng chỉ kiểm định viên có thời hạn là 05 năm đối với Chứng chỉ được cấp, cấp lại trong trường hợp hết hạn, thu hồi, cấp lại (có bổ sung phạm vi kiểm định); thời gian còn lại của Chứng chỉ kiểm định viên đã được cấp đối với trường hợp Chứng chỉ được cấp lại trong trường hợp sửa đổi, hỏng hoặc mất.

Điều 15. Quản lý, sử dụng chứng chỉ kiểm định viên

1. Kiểm định viên có trách nhiệm xuất trình chứng chỉ kiểm định viên theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và với tổ chức, cá nhân có đối tượng đề nghị được kiểm định; chỉ được kiểm định đối với đối tượng kiểm định trong phạm vi ghi trên chứng chỉ kiểm định viên.

2. Chứng chỉ kiểm định viên bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Giả mạo hoặc khai man các tài liệu trong hồ sơ cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên;

b) Tự ý tẩy xóa, sửa chữa nội dung chứng chỉ;

c) Từ 12 tháng trở lên, không làm việc tại bất kỳ tổ chức kiểm định nào;

d) Kiểm định ngoài phạm vi ghi trên chứng chỉ kiểm định viên;

đ) Thực hiện kiểm định không đúng quy trình kiểm định.

3. Cơ quan thực hiện cấp là cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi chứng chỉ kiểm định viên.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động khi thực hiện kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

1. Tuân thủ đúng theo quy trình kiểm định; công bố biên bản kiểm định với tổ chức, cá nhân sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

2. Thực hiện dán tem kiểm định (bằng giấy hoặc bằng vật liệu có độ bền cao) hoặc thể hiện thông tin kiểm định lên đối tượng kiểm định sau khi có kết quả kiểm định đạt yêu cầu; cấp cho tổ chức, cá nhân sử dụng đối tượng kiểm định Giấy chứng nhận kết quả kiểm định (01 bản) chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày biên bản kiểm định được thông qua nếu kết quả kiểm định đạt yêu cầu.

3. Phân công người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định của tổ chức bằng văn bản; kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm định trên cơ sở kết quả soát xét hồ sơ của người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định trước khi ký Giấy chứng nhận kết quả kiểm định.

4. Trong trường hợp đối tượng kiểm định không đạt yêu cầu và phát hiện đối tượng có nguy cơ dẫn đến sự cố, tai nạn lao động thì không cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm định và thông báo cho tổ chức hoặc cá nhân sử dụng biết để có biện pháp khắc phục. Trường hợp sau khi thông qua biên bản kiểm định và có kết quả đạt yêu cầu hoặc đã cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm định mà phát hiện sai sót dẫn đến sai lệch kết quả kiểm định mà chưa xảy ra hậu quả. Tổ chức kiểm định phải thông báo cho tổ chức hoặc cá nhân sử dụng biết và có văn bản thu hồi kết quả kiểm định, ghi rõ lý do thu hồi.

5. Đảm bảo độc lập, khách quan trong cung ứng dịch vụ kiểm định.

6. Cử kiểm định viên tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

7. Kể từ khi hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động của Bộ Nội vụ chính thức được đưa vào hoạt động, Tổ chức kiểm định có trách nhiệm cập nhật thông tin của Giấy chứng nhận kết quả kiểm định lên cơ sở dữ liệu điện tử về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong khoảng thời gian 05 ngày kể từ ngày biên bản kiểm định được thông qua và có kết quả kiểm định đạt yêu cầu;

8. Không cung ứng dịch vụ kiểm định trong thời gian không bảo đảm điều kiện cấp Giấy chứng nhận được quy định tại Điều 4 Nghị định này hoặc bị đình chỉ hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; không sử dụng kiểm định viên đang bị thu hồi chứng chỉ kiểm định viên hoặc chứng chỉ kiểm định viên hết hiệu lực để thực hiện kiểm định.

9. Tuân thủ theo đúng các biểu mẫu quy định. Mẫu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định; mẫu tem kiểm định; mẫu báo cáo tình hình hoạt động kiểm định được quy định tại Phụ lục Ib ban hành kèm theo Nghị định này.

10 Trao đổi, thống nhất với tổ chức hoặc cá nhân sử dụng về phương án bảo đảm an toàn trong quá trình kiểm định.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

1. Lựa chọn tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động để kiểm định lần đầu trước khi đưa vào sử dụng hoặc kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; chỉ được đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được kiểm định đạt yêu cầu.

2. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận kết quả kiểm định, chủ động kiểm tra các thông tin về máy, thiết bị, vật tư được sử dụng trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thông qua mã tra cứu trên Giấy chứng nhận kết quả kiểm định.

3. Khai báo với Sở Nội vụ địa phương tại nơi sử dụng theo mẫu số 13 Phụ lục Ib bằng trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Việc khai báo có thể gửi bằng bản giấy hoặc bằng bản điện tử, đồng thời có thể ủy quyền cho tổ chức kiểm định khai báo trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

4. Trường hợp máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động khi đưa đến sử dụng tại nơi làm việc mới mà phải kiểm định lại theo quy định thì phải khai báo thực hiện theo quy định tại Điều c của Khoản này.

5. Lưu giữ hồ sơ kỹ thuật an toàn của đối tượng kiểm định theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động. Trong trường hợp chuyển nhượng (hoặc cho thuê lại) các đối tượng kiểm định, người bán (hoặc

cho thuê lại) phải bàn giao đầy đủ hồ sơ kỹ thuật an toàn cho người mua (hoặc thuê lại).

6. Tạo điều kiện cho tổ chức kiểm định thực hiện kiểm định, chuẩn bị đầy đủ các tài liệu kỹ thuật liên quan đến các đối tượng kiểm định để cung cấp cho kiểm định viên; cử người đại diện chứng kiến quá trình kiểm định; thống nhất với tổ chức kiểm định về phương án bảo đảm an toàn trong quá trình kiểm định.

7. Thực hiện các kiến nghị của tổ chức kiểm định trong việc đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng các đối tượng kiểm định. Không được tiếp tục sử dụng các đối tượng kiểm định có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu hoặc Giấy chứng nhận kết quả kiểm định hết thời hạn hiệu lực.

8. Quản lý, sử dụng, loại bỏ đối tượng kiểm định theo đúng quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

9. Tuân thủ quy định về giá dịch vụ kiểm định các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Chương III

HOẠT ĐỘNG HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Mục 1. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU CHUNG TRONG HOẠT ĐỘNG HUẤN LUYỆN

Điều 18. Phân nhóm đối tượng tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

1. Nhóm 1: Người quản lý phụ trách an toàn, vệ sinh lao động, bao gồm:

a) Người đứng đầu đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh và phòng, ban, chi nhánh trực thuộc; phụ trách bộ phận sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật; quản đốc phân xưởng hoặc tương đương;

b) Cấp phó của người đứng đầu theo quy định tại Điểm a Khoản 1 này được giao nhiệm vụ phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động.

2. Nhóm 2: Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, bao gồm:

a) Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách;

b) Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách;

c) Người trực tiếp giám sát về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

3. Nhóm 3: Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động là người làm công việc thuộc Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

4. Nhóm 4: Người lao động không thuộc các nhóm 1, 2, 3, 5, 6 quy định tại khoản này.

5. Nhóm 5: Người làm công tác y tế tại doanh nghiệp.

6. Nhóm 6: An toàn, vệ sinh viên theo quy định tại Điều 74 Luật an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 19. Nội dung huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

1. Huấn luyện nhóm 1

a) Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động: Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động, người lao động; tổ chức bộ máy, quản lý và phân định trách nhiệm, giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở; xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; lập kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; các chế độ, chính sách bảo hộ lao động, an toàn, vệ sinh lao động.

b) Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động bao gồm: yếu tố nguy hiểm, có hại, biện pháp phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động.

2. Huấn luyện nhóm 2

a) Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động: Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động, người lao động; tổ chức bộ máy, quản lý và phân định trách nhiệm, giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở; xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; lập kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; các chế độ, chính sách bảo hộ lao động, an toàn, vệ sinh lao động.

b) Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động: Yếu tố nguy hiểm, có hại, biện pháp phòng ngừa; nhận diện, đánh giá và kiểm soát nguy cơ, rủi ro; cải thiện điều kiện lao động; xây dựng, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm; phân tích, đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; tổ chức quan trắc môi trường lao động; hoạt động thông tin, tuyên truyền, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động; sơ cấp cứu tai nạn lao động; tổ chức thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân; tổ chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật; tổ chức thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ người sử dụng lao động; tổ chức thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, thống kê, báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động; nghiệp vụ tổ chức điều tra tai nạn lao động; nghiệp vụ công tác tự kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động.

3. Huấn luyện nhóm 3

a) Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động: Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động; chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động;

b) Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động: Kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc; biện pháp nhận diện, đánh giá, kiểm soát nguy cơ, rủi ro; phương pháp cải thiện điều kiện lao động; nội quy, quy trình,

biển báo, biển chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao động; sử dụng thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp;

c) Nội dung huấn luyện chuyên ngành tại nơi làm việc: Quy trình và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động liên quan đến công việc của người lao động; nhận diện, phân tích, đánh giá, kiểm soát rủi ro liên quan đến công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động mà người được huấn luyện đang làm.

4. Huấn luyện nhóm 4

a) Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động: Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động; chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động;

b) Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động: Yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc và phương pháp cải thiện điều kiện lao động; nội quy an toàn, vệ sinh lao động; biển báo, biển chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao động; sử dụng các thiết bị an toàn và phương tiện bảo vệ cá nhân; nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.

c) Huấn luyện trực tiếp tại nơi làm việc: Quy trình, biện pháp làm việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc gắn liền với nhiệm vụ, công việc được giao.

5. Huấn luyện nhóm 5:

a) Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động, người lao động; Tổ chức bộ máy, quản lý và phân định trách nhiệm, giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở; xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; lập kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; các chế độ, chính sách bảo hộ lao động, an toàn, vệ sinh lao động.

b) Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động bao gồm: kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại, biện pháp phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động.

6. Huấn luyện nhóm 6:

Người lao động tham gia mạng lưới an toàn, vệ sinh viên ngoài nội dung huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định còn được huấn luyện bổ sung về vai trò, vị trí, quyền và nghĩa vụ an toàn, vệ sinh viên; kỹ năng và phương pháp hoạt động của an toàn, vệ sinh viên.

7. Trường hợp người sử dụng lao động thấy cần thiết thì có thể quyết định bổ sung nội dung huấn luyện nhiều hơn nội dung bắt buộc theo quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này để phù hợp với thực tế tại nơi làm việc.

8. Trong cùng thời gian huấn luyện lần đầu hoặc định kỳ, người đồng thời đảm nhận nhiều công việc khác nhau tại nơi làm việc được miễn, giảm các nội dung huấn luyện trùng lặp đã được học.

Điều 20. Thời gian và chương trình khung huấn luyện lần đầu

1. Thời gian huấn luyện lần đầu được quy định như sau:

- a) Nhóm 1: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.
- b) Nhóm 2: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 40 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.
- c) Nhóm 3: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.
- d) Nhóm 4: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.
- e) Nhóm 5: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ, bao gồm thời gian kiểm tra.
- g) Nhóm 6: Ngoài thời gian huấn luyện tại các nhóm khác, người lao động nhóm 6 sẽ được huấn luyện thêm ít nhất là 4 giờ.

2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết chương trình khung huấn luyện bắt buộc lần đầu, căn cứ theo nội dung huấn luyện quy định tại Điều 19 và thời gian huấn luyện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Tài liệu huấn luyện

1. Tổ chức huấn luyện, doanh nghiệp tự huấn luyện căn cứ nội dung, chương trình, thời gian huấn luyện quy định tại Điều 19, 20 và 22 Nghị định này để xây dựng tài liệu huấn luyện bảo đảm đúng quy định và phù hợp với điều kiện lao động thực tế tại nơi làm việc.

2. Trường hợp đối tượng huấn luyện chưa được quy định chương trình khung huấn luyện bắt buộc lần đầu, thì căn cứ theo quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 20 và Điều 22 để xây dựng tài liệu huấn luyện.

Điều 22. Huấn luyện định kỳ

1. Huấn luyện định kỳ là hoạt động bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, rèn luyện, duy trì kỹ năng làm việc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình lao động.

2. Ít nhất 02 năm một lần, đối tượng huấn luyện quy định tại Điều 18 phải tham dự khóa huấn luyện định kỳ. Thời gian huấn luyện ít nhất 50% thời gian huấn luyện lần đầu.

3. Huấn luyện khi có sự thay đổi về công việc, thiết bị, công nghệ và huấn luyện sau thời gian nghỉ làm việc

a) Khi có sự thay đổi công việc hoặc thay đổi thiết bị, công nghệ, trước khi giao việc, người sử dụng lao động phải tổ chức huấn luyện nội dung về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với công việc mới hoặc thiết bị, công nghệ mới.

b) Huấn luyện sau thời gian nghỉ làm việc: Cơ sở ngừng hoạt động hoặc người lao động nghỉ làm việc từ 06 tháng trở lên thì trước khi trở lại làm việc, người sử dụng lao động tổ chức huấn luyện lại cho đối tượng trở lại làm việc như huấn luyện định kỳ quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp người sử dụng lao động thấy cần thiết thì có thể quyết định chương trình huấn luyện định kỳ nhiều thời gian hơn, trước định kỳ theo quy định hoặc chia nhỏ thành nhiều đợt.

Điều 23. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong quản lý hoạt động huấn luyện

Người sử dụng lao động có trách nhiệm quản lý và kiểm soát hoạt động huấn luyện của tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp mình như sau:

1. Tổ chức rà soát, phân nhóm đối tượng cần huấn luyện; lập kế hoạch, tổ chức triển khai huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

2. Đối với người học nghề, tập nghề, người thử việc trước khi tuyển dụng hoặc bố trí làm việc, người sử dụng lao động tự tổ chức huấn luyện hoặc bố trí huấn luyện cùng nhóm đối tượng huấn luyện tại Điều 18 Nghị định này.

3. Chi trả đầy đủ tiền lương và bảo đảm quyền lợi khác cho đối tượng thuộc quyền quản lý trong thời gian tham dự huấn luyện theo quy định của pháp luật.

4. Thanh toán chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (nếu có) và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

5. Trường hợp sử dụng người lao động theo hình thức khoán việc, thông qua nhà thầu, thuê lại lao động, người sử dụng lao động (trường hợp cho thuê lại lao động là người sử dụng lao động của bên thuê lại lao động) phải chịu trách nhiệm tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định tại Nghị định này.

6. Lưu giữ hồ sơ huấn luyện gồm: Kế hoạch chi tiết, Chương trình huấn luyện, tài liệu huấn luyện, danh sách điểm danh có chữ ký người tham dự tại mỗi buổi huấn luyện, kết quả kiểm tra, sát hạch; bản sao giấy tờ chứng minh đủ tiêu chuẩn người huấn luyện. Lập sổ theo dõi công tác huấn luyện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định này. Hồ sơ huấn luyện phải lưu giữ ít nhất 5 năm, có thể lưu trữ dưới dạng dữ liệu điện tử.

7. Quản lý, giám sát khi tổ chức huấn luyện; thông báo cho Sở Nội vụ thời gian, địa điểm khi tổ chức huấn luyện nhóm 2 và 3 trước khi tổ chức huấn luyện ít nhất 1 ngày, trừ trường hợp thuộc lực lượng vũ trang.

Mục 2. NGƯỜI HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 24. Tiêu chuẩn và việc huấn luyện, sát hạch người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

1. Tiêu chuẩn người huấn luyện hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

a) Người có trình độ từ đại học trở lên và có ít nhất 03 năm làm công việc nghiên cứu, xây dựng, tư vấn chính sách, pháp luật, thanh tra, kiểm tra, quản lý về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Người có trình độ cao đẳng và có ít nhất 04 năm làm công việc nghiên cứu, xây dựng, tư vấn chính sách, pháp luật, thanh tra, kiểm tra, quản lý về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Tiêu chuẩn người huấn luyện kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động, trừ thực hành quy định tại khoản 4 điều này

a) Người có trình độ từ đại học trở lên và có ít nhất 02 năm làm công việc xây dựng hoặc tổ chức triển khai về công tác an toàn, vệ sinh lao động;

b) Người có trình độ cao đẳng và có ít nhất 03 năm làm công việc xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động;

3. Tiêu chuẩn người huấn luyện nội dung lý thuyết chuyên ngành

a) Người có trình độ từ đại học trở lên có chuyên môn phù hợp với chuyên ngành huấn luyện và có ít nhất 02 năm làm công việc xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.

b) Người có trình độ cao đẳng có chuyên môn phù hợp với chuyên ngành huấn luyện và có ít nhất 03 năm làm công việc xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.

4. Tiêu chuẩn người huấn luyện thực hành, trực tiếp tại nơi làm việc

a) Huấn luyện thực hành nhóm 2: Người có trình độ từ cao đẳng trở lên, phù hợp với chuyên ngành huấn luyện, thông thạo công việc thực hành đối với máy, thiết bị, hóa chất, công việc được áp dụng thực hành theo chương trình khung huấn luyện;

b) Huấn luyện thực hành nhóm 3: Người có trình độ từ trung cấp nghề trở lên phù hợp với chuyên ngành huấn luyện và có các văn bằng, chứng chỉ khác phù hợp theo quy định của pháp luật; có ít nhất 1 năm làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, hoặc làm công việc có liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở phù hợp với công việc huấn luyện;

c) Huấn luyện thực hành nhóm 4: Người có trình độ trung cấp nghề trở lên và có thời gian làm việc thực tế ít nhất 06 tháng tại nơi làm việc của người lao động;

d) Huấn luyện thực hành sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động: Người có trình độ từ trung cấp y trở lên.

5. Người huấn luyện phải được huấn luyện, sát hạch theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ trừ đối tượng được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

6. Định kỳ 05 năm một lần, người huấn luyện phải tham dự khóa tập huấn cập nhật kiến thức, thông tin, chính sách, pháp luật, khoa học, công nghệ về an

toàn, vệ sinh lao động, trừ người huấn luyện thuộc điểm a khoản 1 Điều này và người huấn luyện sơ cấp cứu.

Điều 25. Xác định trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và thời gian làm việc

1. Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm được xác định thông qua bằng cấp, lý lịch, quyết định giao việc, bổ nhiệm, tuyển dụng hoặc các giấy tờ liên quan khác.

2. Thời gian làm công tác an toàn, vệ sinh lao động được xác định thông qua một trong các hình thức sau:

a) Các giấy tờ, bằng chứng chứng minh thời gian làm việc hoặc làm công tác an toàn, vệ sinh lao động;

b) Giấy tờ do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức nơi người lao động công tác xác nhận thời gian người lao động đã làm việc hoặc đã làm công việc về an toàn, vệ sinh lao động tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức.

Mục 3. GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN, THẺ AN TOÀN

Điều 26. Quản lý việc cấp Giấy chứng nhận huấn luyện, thẻ an toàn

1. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện

a) Tổ chức huấn luyện, doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện cấp Giấy chứng nhận huấn luyện cho người được huấn luyện thuộc các nhóm 1, 2, 5 và 6 sau khi kiểm tra, sát hạch hoặc đánh giá đạt yêu cầu;

b) Giấy chứng nhận huấn luyện theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Cấp thẻ an toàn

a) Người sử dụng lao động cấp Thẻ an toàn cho người được huấn luyện thuộc nhóm 3 sau khi kiểm tra đạt yêu cầu. Tổ chức huấn luyện cấp Thẻ an toàn cho người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động;

b) Thẻ an toàn theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Người sử dụng lao động có thể tích hợp thẻ an toàn với các loại thẻ khác hoặc sử dụng thẻ điện tử nhưng phải đảm bảo có đủ các nội dung thông tin để xác thực việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của thẻ an toàn tại Phụ lục này.

3. Hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động thuộc chương trình, dự án của Nhà nước hoặc của tổ chức quốc tế tại Việt Nam bảo đảm điều kiện tổ chức huấn luyện theo quy định tại Nghị định này, người tham dự huấn luyện được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện, thẻ an toàn hoặc công nhận kết quả huấn luyện theo quy định tại Nghị định này.

4. Theo dõi công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động

a) Người sử dụng lao động lập sổ theo dõi công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động của doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, trừ trường hợp người sử dụng lao động tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hoàn toàn lập sổ theo quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Người sử dụng lao động ghi kết quả huấn luyện của người được huấn luyện thuộc nhóm 4 vào mục IV của sổ theo dõi công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

5. Tổ chức huấn luyện, doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện lập sổ theo dõi công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 27. Thời hạn cấp, cấp mới giấy chứng nhận huấn luyện, thẻ an toàn

1. Giấy chứng nhận huấn luyện, thẻ an toàn có thời hạn 02 năm.

2. Giấy chứng nhận, thẻ an toàn chỉ được cấp sau khi người học đã hoàn thành chương trình huấn luyện lần đầu hoặc định kỳ theo đúng quy định của pháp luật.

Mục 4. TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN, DOANH NGHIỆP TỰ HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 28. Phân loại tổ chức huấn luyện, yêu cầu trong quá trình hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

1. Tổ chức huấn luyện được phân loại theo đặc điểm, tính chất phức tạp của đối tượng huấn luyện như sau:

a) Hạng A huấn luyện nhóm 1, 4 và 6;

b) Hạng B huấn luyện nhóm 1, 3, 4 và 6;

c) Hạng C huấn luyện nhóm 1, 2, 3, 4 và 6;

2. Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động có trách nhiệm thông báo về hoạt động cung cấp dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động như sau:

a) Trước khi bắt đầu hoạt động cung cấp dịch vụ huấn luyện, thực hiện thông báo công khai thông tin về tổ chức huấn luyện (tên tổ chức; địa chỉ trụ sở chính; tên người đứng đầu; trang thông tin điện tử (website), nếu có; thư điện tử (email); số điện thoại liên hệ; hạng huấn luyện; phạm vi huấn luyện; thời điểm chính thức hoạt động cung cấp dịch vụ huấn luyện;) trên phương tiện thông tin đại chúng và trên Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động cấp Trung ương theo quy định của pháp luật;

Đối với tổ chức huấn luyện chưa từng được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hoặc có Giấy chứng nhận đã hết hiệu lực, thì ngoài việc công khai theo quy định nêu trên, phải gửi thông

báo đến Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ nơi đặt trụ sở chính, ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày chính thức hoạt động cung cấp dịch vụ huấn luyện.

b) Khi có thay đổi về địa chỉ trụ sở theo quy định tại khoản 5 Điều 44 của Nghị định 44/2016/NĐ-CP, gửi thông báo đến Sở Nội vụ nơi dự kiến đặt trụ sở chính mới ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày thực hiện thay đổi; trường hợp thay đổi sang tỉnh, thành phố khác thì đồng thời gửi thông báo đến Sở Nội vụ nơi không còn đặt trụ sở chính.

c) Khi chấm dứt hoạt động huấn luyện theo quy định tại khoản 6 Điều 44 của Nghị định 44/2016/NĐ-CP, gửi thông báo đến Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ nơi đặt trụ sở chính biết.

d) Khi có nhu cầu thay đổi đối tượng huấn luyện, phạm vi huấn luyện, hạng huấn luyện theo quy định tại khoản 6 Điều 44 của Nghị định 44/2016/NĐ-CP tổ chức có trách nhiệm gửi thông báo về việc sửa đổi, bổ sung đến Sở Nội vụ nơi đặt trụ sở chính, ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày thực hiện thay đổi.

3. Trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ huấn luyện, tổ chức huấn luyện và doanh nghiệp tự huấn luyện phải bảo đảm:

a) Về nhân sự, tổ chức huấn luyện hạng A có ít nhất 02 người huấn luyện cơ hữu; tổ chức huấn luyện hạng B, hạng C có ít nhất 04 người huấn luyện cơ hữu thuộc tổ chức;

b) Bảo đảm có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài liệu huấn luyện phù hợp với đối tượng và nội dung huấn luyện mà tổ chức cung cấp theo quy định của pháp luật; đối với tổ chức huấn luyện nhóm 2 (người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động), khu vực huấn luyện thực hành phải có diện tích tối thiểu 300 m²;

c) Xây dựng và thực hiện quy trình quản lý chất lượng huấn luyện, gồm ít nhất các nội dung sau: lập kế hoạch; quản lý quá trình huấn luyện; kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện; cấp chứng nhận; lưu trữ hồ sơ; công khai thông tin; xử lý vi phạm và thực hiện tự kiểm tra, giám sát, cải tiến chất lượng huấn luyện.

4. Khi tổ chức từng lớp huấn luyện, tổ chức huấn luyện và doanh nghiệp tự huấn luyện phải bảo đảm:

a) Có địa điểm huấn luyện phù hợp với quy mô lớp học, nội dung huấn luyện và hình thức huấn luyện (lý thuyết, thực hành); bảo đảm các điều kiện về không gian, diện tích, ánh sáng, thông gió, vệ sinh và an toàn theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Bố trí người huấn luyện đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định, phù hợp với nội dung và chương trình huấn luyện;

c) Sử dụng tài liệu huấn luyện phù hợp với đối tượng, nội dung và chương trình huấn luyện; được cập nhật theo quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

d) Bảo đảm đầy đủ trang thiết bị, phương tiện, mô hình, dụng cụ phục vụ huấn luyện; đối với nội dung thực hành phải bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định pháp luật;

đ) Tổ chức và quản lý lớp huấn luyện, người huấn luyện; thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện và lưu trữ hồ sơ theo quy định pháp luật.

Điều 29. Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong Bộ Quốc phòng

1. Các đơn vị trong Bộ Quốc phòng tự tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động nếu bảo đảm điều kiện về người huấn luyện theo quy định tại Điều 24 và Điều 28 Nghị định này.

2. Trường hợp đơn vị cấp dưới không đảm bảo được việc huấn luyện thì đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp có trách nhiệm tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận, kết quả huấn luyện theo quy định tại Điều 27 Nghị định này, nếu đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp bảo đảm điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Khi tổ chức huấn luyện, đơn vị trong Bộ Quốc phòng phải tuân thủ và chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định này. Các đơn vị đủ điều kiện tự huấn luyện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo thông tin về người huấn luyện cho đơn vị được Bộ Quốc phòng giao quản lý huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong Bộ Quốc phòng.

4. Đơn vị được Bộ Quốc phòng giao quản lý hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong Bộ Quốc phòng thực hiện việc quản lý, kiểm tra, giám sát huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo hình thức phù hợp với đặc thù của Bộ Quốc phòng.

5. Hằng năm, Bộ Quốc phòng báo cáo tình hình triển khai và kết quả huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho Bộ Nội vụ.

Mục 5. HUẤN LUYỆN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC KHÔNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Điều 30. Hỗ trợ huấn luyện người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động

1. Đối tượng được ưu tiên hỗ trợ chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng và thân nhân chủ yếu của người có công với cách mạng làm việc không theo hợp đồng lao động khi làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí huấn luyện 01 lần đối với 01 người công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Tham gia đầy đủ chương trình huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu, được cấp Thẻ an toàn;

c) Hỗ trợ trực tiếp cho người lao động hoặc thông qua Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

3. Mức hỗ trợ theo chi phí thực tế của khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động nhưng không quá 50% mức lương cơ sở/người/khóa huấn luyện theo quy định của Chính phủ tại thời điểm huấn luyện.

4. Hồ sơ hỗ trợ: Danh sách học viên và các thông tin theo mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định này.

5. Nguồn kinh phí hỗ trợ được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Sở Nội vụ theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

6. Sở Nội vụ lập dự toán kinh phí hỗ trợ huấn luyện hằng năm, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí hỗ trợ huấn luyện cho đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này trong dự toán ngân sách nhà nước. Việc lập dự toán, phân bổ, giao dự toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ huấn luyện thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

7. Sở Nội vụ tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động trên cơ sở kinh phí được duyệt.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Mục 1

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Điều 31. Điều kiện của tổ chức hoạt động quan trắc môi trường lao động

Tổ chức hoạt động quan trắc môi trường lao động bảo đảm điều kiện sau đây:

1. Đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp cung ứng dịch vụ quan trắc môi trường lao động.

2. Có đủ nhân lực thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động như sau:

a) Người trực tiếp phụ trách quan trắc môi trường lao động có trình độ như sau:

- Trình độ từ đại học trở lên thuộc lĩnh vực y tế, môi trường, hóa học, sinh học;

- Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường lao động hoặc 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực y học dự phòng;

- Có chứng chỉ đào tạo về quan trắc môi trường lao động.

b) Có ít nhất 05 người làm việc theo hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn có trình độ như sau:

- Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên thuộc các lĩnh vực y tế, môi trường, hóa học, sinh học;

- Có chứng chỉ đào tạo về quan trắc môi trường lao động.

3. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất và năng lực bảo đảm yêu cầu tối thiểu như sau:

a) Quan trắc yếu tố có hại trong môi trường lao động

Đảm bảo thực hiện được tối thiểu 70% yếu tố sau đây:

- Đo, thử nghiệm, phân tích tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm các yếu tố vi khí hậu, bao gồm: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió và bức xạ nhiệt;

- Đo, thử nghiệm, phân tích tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm yếu tố vật lý, bao gồm: ánh sáng, tiếng ồn, rung theo giải tần, phóng xạ, điện từ trường, bức xạ tử ngoại;

- Đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp, bao gồm: yếu tố vi sinh vật, gây dị ứng, mẫn cảm, dung môi;

- Đánh giá gánh nặng lao động và một số chỉ tiêu tâm sinh lý lao động Ec-gô-nô-my: Đánh giá gánh nặng lao động thể lực; đánh giá căng thẳng thần kinh tâm lý; đánh giá Ec-gô-nô-my vị trí lao động;

- Lấy mẫu, bảo quản, đo, thử nghiệm tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm của bụi hạt, phân tích hàm lượng silic trong bụi, bụi kim loại, bụi than, bụi talc, bụi bông và bụi amiăng;

- Lấy mẫu, bảo quản, đo, thử nghiệm tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm của các yếu tố hóa học tối thiểu bao gồm NO_x, SO_x, CO, CO₂, dung môi hữu cơ (benzen và đồng đẳng - toluen, xylen), thủy ngân, asen, TNT, nicotin, hóa chất trừ sâu;

b) Có kế hoạch và quy trình bảo quản, sử dụng an toàn, bảo dưỡng và kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định của nhà sản xuất nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền không quy định;

c) Có quy trình sử dụng, vận hành thiết bị lấy và bảo quản mẫu, đo, thử nghiệm và phân tích môi trường lao động;

d) Có trụ sở làm việc (sở hữu, quyền sử dụng hoặc thuê), đủ diện tích để bảo đảm chất lượng công tác quan trắc môi trường lao động, điều kiện phòng thí nghiệm phải đạt yêu cầu về chất lượng trong bảo quản, xử lý, phân tích mẫu;

đ) Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện quan trắc môi trường lao động;

e) Có biện pháp bảo đảm vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng cháy, chữa cháy, an toàn sinh học, an toàn hóa học và tuân thủ nghiêm ngặt việc thu gom, vận chuyển bảo quản và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 32. Hồ sơ, thủ tục

1. Hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động được lập thành 01 bộ gồm các giấy tờ sau:

a) Văn bản đề nghị công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động của tổ chức theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục số IV ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hồ sơ công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo hướng dẫn quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục số IV ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động:

a) Trước khi thực hiện quan trắc môi trường lao động, tổ chức thực hiện quan trắc môi trường lao động gửi hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính;

b) Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị. Trường hợp không bảo đảm điều kiện thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Hồ sơ công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động trực tuyến được quy định như sau:

- Bảo đảm hồ sơ và nội dung giấy tờ như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy;

- Thông tin văn bản đề nghị công bố, hồ sơ công bố phải đầy đủ và chính xác theo thông tin văn bản điện tử;

- Tổ chức đề nghị công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động trực tuyến phải thực hiện lưu giữ hồ sơ bằng bản giấy.

3. Trong quá trình hoạt động, tổ chức quan trắc môi trường lao động có trách nhiệm bảo đảm điều kiện đã công bố quy định tại Điều 31 Nghị định này.

4. Tổ chức chỉ được thực hiện quan trắc môi trường lao động sau khi đã được công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Điều 33. Nguyên tắc thực hiện quan trắc môi trường lao động

1. Thực hiện quan trắc đầy đủ yếu tố có hại được liệt kê trong Hồ sơ vệ sinh lao động do cơ sở lao động lập.

Đối với nghề, công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc độc hại nguy hiểm, khi quan trắc môi trường lao động phải thực hiện đánh

giá gánh nặng lao động và một số chỉ tiêu tâm sinh lý lao động Ec-gô-nô-my quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định này.

2. Quan trắc môi trường lao động thực hiện theo đúng kế hoạch đã lập giữa cơ sở lao động và tổ chức đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động.

3. Quan trắc môi trường lao động bảo đảm như sau:

a) Thực hiện trong thời gian cơ sở lao động đang tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh;

b) Lấy mẫu theo phương pháp lấy mẫu cá nhân và vị trí lấy mẫu được đặt tại vùng có khả năng ảnh hưởng đến người lao động;

c) Đối với quan trắc môi trường lao động bằng phương pháp phát hiện nhanh khi kết quả có nghi ngờ, tổ chức quan trắc môi trường lao động lấy mẫu, phân tích bằng phương pháp phù hợp tại phòng xét nghiệm đủ tiêu chuẩn.

4. Yếu tố có hại cần quan trắc, đánh giá được bổ sung cập nhật trong Hồ sơ vệ sinh lao động trong trường hợp sau đây:

a) Có thay đổi về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất hoặc khi thực hiện cải tạo, nâng cấp cơ sở lao động mà có nguy cơ phát sinh yếu tố nguy hại mới đối với sức khỏe người lao động;

b) Tổ chức quan trắc môi trường lao động đề xuất bổ sung khi thực hiện quan trắc môi trường lao động;

c) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Tổ chức thực hiện quan trắc môi trường lao động được thanh toán chi phí quan trắc môi trường lao động; đánh giá tiếp xúc nghề nghiệp, báo cáo và phí quản lý do người sử dụng lao động chi trả theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức quan trắc môi trường lao động báo cáo Bộ Y tế hoặc Sở Y tế về yếu tố có hại mới được phát hiện, phát sinh tại cơ sở lao động mà chưa có quy định về giới hạn cho phép.

Điều 34. Căn cứ xây dựng kế hoạch quan trắc môi trường lao động

1. Hồ sơ vệ sinh lao động của cơ sở lao động, quy trình sản xuất kinh doanh và số lượng người lao động làm việc tại bộ phận có yếu tố có hại để xác định số lượng yếu tố có hại cần quan trắc, số lượng mẫu cần lấy và vị trí lấy mẫu đối với mỗi yếu tố có hại.

2. Số người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm tại cơ sở lao động.

3. Yếu tố vi sinh vật, dị nguyên, yếu tố gây dị ứng, ung thư và các yếu tố có hại khác có khả năng gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động mà chưa được xác định trong Hồ sơ vệ sinh lao động.

4. Kế hoạch quan trắc môi trường lao động do tổ chức đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động và cơ sở lao động xây dựng theo hướng dẫn tại Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này; và thông báo cho Sở Y tế bằng văn bản hoặc thư điện tử trước 03 ngày kể từ ngày thực hiện quan trắc môi trường lao động tại cơ sở lao động về thời gian, địa điểm thực hiện nơi cơ sở lao động đặt trụ sở.

Điều 35. Quy trình thực hiện quan trắc môi trường lao động

1. Trước khi thực hiện quan trắc môi trường lao động, tổ chức quan trắc môi trường lao động đảm bảo máy móc, thiết bị phục vụ quan trắc môi trường lao động được hiệu chỉnh, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình quan trắc môi trường lao động đã cam kết.

3. Thông báo trung thực kết quả quan trắc môi trường lao động cho người sử dụng lao động.

4. Trường hợp kết quả quan trắc môi trường lao động không bảo đảm, cơ sở lao động thực hiện như sau:

a) Triển khai biện pháp cải thiện điều kiện lao động, giảm thiểu yếu tố có hại và phòng chống bệnh nghề nghiệp;

b) Tổ chức khám sức khỏe phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp và bệnh liên quan đến nghề nghiệp cho người lao động ở các vị trí có môi trường lao động không đảm bảo;

c) Bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 36. Quản lý, lưu trữ kết quả quan trắc môi trường lao động

1. Kết quả quan trắc môi trường lao động lập theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và được lập thành 02 bản: 01 bản gửi cơ sở lao động đã ký hợp đồng thực hiện quan trắc môi trường lao động và 01 bản lưu tại tổ chức thực hiện quan trắc môi trường lao động.

2. Thời gian lưu giữ kết quả quan trắc môi trường lao động thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Nghị định này trên các phương tiện thông tin đại chúng ở trung ương; tổ chức tập huấn, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, đoàn thể liên quan trong triển khai thực hiện và thanh tra, kiểm tra thực hiện Nghị định này.

2. Quy định các trường thông tin trong cơ sở dữ liệu về kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; thông báo thời điểm cơ sở dữ liệu về hoạt động kiểm định, huấn luyện đưa vào hoạt động.

3. Chủ trì, thống nhất thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành Chương trình khung huấn luyện lần đầu theo nhóm đối tượng, Chương trình khung chi tiết huấn luyện theo chuyên ngành, nghề, công việc đặc thù; quy định cụ thể hình thức, nội dung, chương trình và việc tổ chức thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch về chuyên môn và nghiệp vụ huấn luyện của người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; việc tập huấn cập nhật thông tin, chính sách, pháp luật, khoa học, kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động cho người huấn luyện, người đứng đầu tổ chức huấn luyện; việc tổ chức sát hạch đối với người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động; biện pháp quản lý, triển khai hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ có liên quan rà soát Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động để sửa đổi, bổ sung phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ, quản lý trong từng thời kỳ; thống nhất hướng dẫn công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động trên phạm vi toàn quốc.

4. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước, Bộ Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan đề trình Chính phủ quyết định phân công cụ thể cơ quan chịu trách nhiệm quản lý đối với máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động mới, chưa được quy định tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định này hoặc máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động có liên quan đến phạm vi quản lý của nhiều bộ mà chưa được xác định rõ thuộc thẩm quyền quản lý của bộ nào quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Thực hiện quản lý nhà nước đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo phân công tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định này; ban hành các quy trình kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý; cấp mới, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; quy định cụ thể hình thức, nội dung, chương trình và việc tổ chức thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động đối với đối tượng kiểm định thuộc trách nhiệm quản lý; biện pháp quản lý, triển khai hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

6. Quy định cụ thể nội dung, chương trình huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; quy định cụ thể hình thức và việc tổ chức thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu

cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, trừ đối tượng kiểm định thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng; biện pháp quản lý, triển khai hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

7. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ huấn luyện cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động khi làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

8. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ đánh giá, kiểm tra chuyên ngành hằng năm hoặc đột xuất công tác giải quyết thủ tục hành chính; công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động.

9. Chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức tập huấn hướng dẫn triển khai công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động dành cho đối tượng là người đại diện pháp luật của tổ chức kiểm định.

11. Phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong công tác thanh tra đối với tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động khi được đề xuất.

Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Chủ trì quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về công tác công bố tổ chức quan trắc môi trường lao động, cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động. Tổ chức tiếp nhận thông tin và công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế về thông tin của các tổ chức quan trắc môi trường lao động đủ điều kiện hoạt động, tổ chức quan trắc môi trường bị đình chỉ, bị xử lý hành vi vi phạm hành chính, đơn vị cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động việc theo thẩm quyền quản lý.

2. Quy định tài liệu, nội dung huấn luyện về y tế lao động, quan trắc môi trường lao động và sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc.

3. Quy định, tổ chức thực hiện, quản lý hoạt động quan trắc môi trường lao động tại cơ sở lao động.

4. Chủ trì, hướng dẫn xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động quan trắc môi trường lao động; công bố Tổ chức quan trắc môi trường lao động đủ điều kiện hoạt động; Tổ chức quan trắc môi trường bị đình chỉ, bị xử lý hành vi vi phạm hành chính trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế.

5. Chỉ đạo quan trắc môi trường lao động tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp có nguy cơ cao gây bệnh nghề nghiệp.

6. Phối hợp với Bộ Nội vụ, địa phương thực hiện kiểm tra hoạt động quan trắc môi trường lao động, huấn luyện về vệ sinh lao động, huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc, kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo thẩm quyền được giao.

7. Phối hợp với Bộ Nội vụ, địa phương tổ chức thông tin, tuyên truyền, quy định chi tiết Nghị định này.

8. Hằng năm, tổng hợp kết quả hoạt động quan trắc môi trường lao động gửi Nội vụ tổng hợp báo cáo Chính phủ.

Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ huấn luyện nguồn ngân sách trung ương, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trình cấp có thẩm quyền quyết định kinh phí hỗ trợ theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, phí thẩm định điều kiện kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 40. Trách nhiệm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực

1. Tổ chức xây dựng tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đặc thù chuyên ngành và công khai.

2. Phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Y tế kiểm tra hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc, quan trắc môi trường lao động; phối hợp với Bộ Nội vụ cập nhật, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về tổ chức kiểm định, kiểm định viên.

3. Xây dựng chi tiết Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý được phân công tại Phụ lục Ia, gửi Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành; thực hiện quản lý nhà nước đối với máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo phạm vi được phân công tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định này; ban hành các quy trình kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ; quy định cụ thể hình thức, nội dung, chương trình và việc tổ chức thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động đối với đối tượng kiểm định thuộc thẩm quyền quản lý. Hằng năm, tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ kết quả tổ chức hoạt động huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động theo Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định này.

4. Cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc trách nhiệm quản lý; tổ chức kiểm tra hoạt động kiểm định thuộc trách nhiệm quản lý. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, các Bộ thông báo bằng văn bản cho Bộ Nội vụ

về tổ chức được cấp, gia hạn, cấp lại, bị thu hồi, trừ trường hợp đã được cập nhật trên cơ sở dữ liệu về tổ chức kiểm định, kiểm định viên.

Điều 41. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Quản lý, tổ chức thực hiện công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động trên địa bàn.

2. Chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Y tế, Thanh tra địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã và các ngành liên quan phối hợp với tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. Kiến nghị hoặc xử lý theo thẩm quyền đối với các Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và Tổ chức quan trắc môi trường lao động không bảo đảm về điều kiện trong quá trình hoạt động theo quy định của tại Nghị định này.

3. Chỉ đạo Sở Nội vụ tổng hợp nhu cầu hỗ trợ huấn luyện cho người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động khi làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động tại địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

4. Tổ chức thực hiện cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ kiểm định viên không phụ thuộc địa giới hành chính cấp tỉnh.

5. Cập nhật dữ liệu về kiểm định viên lên hệ thống cơ sở dữ liệu về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động của Bộ Nội vụ kể từ khi hệ thống chính thức được đưa vào hoạt động, trong khoảng thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày dữ liệu có sự thay đổi.

6. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ việc thực hiện công tác kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động cho đối tượng sử dụng trong khu vực không có quan hệ lao động tại địa phương.

Điều 42. Trách nhiệm của Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và Tổ chức quan trắc môi trường lao động

1. Bảo đảm duy trì về điều kiện trong quá trình hoạt động theo quy định của tại Nghị định này.

2. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động báo cáo bằng văn bản kết quả hoạt động về Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có trụ sở chính và nơi có hoạt động theo mẫu quy định tại mẫu 11 và mẫu 12 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định này trừ các tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong lĩnh vực quốc phòng. Trường hợp tổ chức tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao

động cập nhật đầy đủ thông tin của Giấy chứng nhận kết quả kiểm định lên cơ sở dữ liệu điện tử thì không phải thực hiện báo cáo theo mẫu 11 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động có trách nhiệm thông báo về hoạt động cung cấp dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 28; trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, doanh nghiệp tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động báo cáo bằng văn bản kết quả hoạt động về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có trụ sở chính theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổ chức hoạt động quan trắc môi trường lao động báo cáo bằng văn bản kết quả hoạt động đến nơi công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động, đồng thời gửi thư điện tử tới Bộ Y tế theo địa chỉ baocaoytld@moh.gov.vn.

Báo cáo Bộ Y tế hoặc nơi công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động về yếu tố nguy hại mới được phát hiện, phát sinh tại cơ sở lao động khi thực hiện quan trắc môi trường lao động, đồng thời đề xuất bổ sung Hồ sơ vệ sinh lao động của cơ sở lao động.

5. Khi có thay đổi về địa chỉ trụ sở chính, Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động ít nhất 07 ngày làm việc trước khi thực hiện thay đổi về địa chỉ trụ sở, chi nhánh.

6. Khi có nhu cầu thay đổi đối tượng kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, hoặc quan trắc môi trường lao động, tổ chức có trách nhiệm đề nghị về việc sửa đổi, bổ sung. Khi tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động, Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động phải gửi thông báo tới cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc công bố đủ điều kiện hoạt động biết.

7. Tổ chức kiểm định lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động gồm: bản chính biên bản hiện trường; bản chính biên bản kiểm định; bản chính hoặc bản điện tử được ký số và xác thực điện tử của giấy chứng nhận kết quả kiểm định; bản sao giấy hoặc bản chụp lưu điện tử đối với hồ sơ, tài liệu liên quan đến thiết bị được quy định tại Quy trình kiểm định tương ứng.

Thời gian lưu các hồ sơ liệt kê tại khoản 7 Điều này tối thiểu là 05 năm, trừ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thời gian lưu tối thiểu là 08 năm.

8. Tổ chức huấn luyện lưu trữ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động gồm: Hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; Kế hoạch chi tiết triển khai hoạt động huấn luyện, chương trình huấn luyện, danh sách người được huấn luyện, kết quả kiểm tra, sát hạch, tài liệu liên quan khác (nếu có).

Thời gian lưu các hồ sơ liệt kê tại khoản 8 Điều này tối thiểu là 05 năm, trừ Hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

9. Tổ chức quan trắc môi trường lao động lưu trữ đầy đủ hồ sơ pháp lý, tài liệu liên quan đến quan trắc môi trường lao động.

10. Định kỳ 02 năm một lần, người đứng đầu Tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tham gia tập huấn hướng dẫn triển khai công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động do Bộ Nội vụ tổ chức.

11. Định kỳ 02 năm, người đứng đầu Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động phải tham dự khóa tập huấn thông tin quản lý huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động do Bộ Nội vụ tổ chức.

12. Định kỳ 02 năm, người đứng đầu Tổ chức quan trắc môi trường lao động phải tham dự khóa tập huấn để cập nhật kiến thức về chính sách, pháp luật, khoa học, công nghệ có liên quan do Bộ Y tế tổ chức.

13. Tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tự kiểm tra, rà soát năng lực của tổ chức bảo đảm đáp ứng các điều kiện cấp Giấy chứng nhận được quy định tại Điều 4 Nghị định này và gửi báo cáo theo mẫu số 12 Phụ lục I về Cơ quan cấp Giấy chứng nhận trước ngày 15 tháng 12 hàng năm hoặc thực hiện cập nhật vào cơ sở dữ liệu điện tử về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Điều 43. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh

1. Tổ chức rà soát, phân nhóm đối tượng cần huấn luyện, Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và Danh mục những nơi làm việc có nguy cơ mất an toàn, vệ sinh lao động; lập kế hoạch và tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động theo quy định của pháp luật. Cập nhật Hồ sơ vệ sinh lao động về nội dung liên quan đến yếu tố có hại cần thực hiện quan trắc môi trường lao động khi có thay đổi về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, khi thực hiện cải tạo, nâng cấp cơ sở lao động có nguy cơ phát sinh yếu tố nguy hại mới đối với sức khỏe người lao động; lập sổ theo dõi người lao động được huấn luyện theo mẫu quy định tại phụ lục....

2. Xây dựng chương trình, tài liệu huấn luyện chi tiết trên cơ sở chương trình khung huấn luyện (huấn luyện lần đầu và tổ chức huấn luyện). Trường hợp cơ sở không trực tiếp huấn luyện mà thuê tổ chức huấn luyện thì tổ chức huấn luyện có trách nhiệm xây dựng chương trình, tài liệu huấn luyện, trong đó bắt buộc phải có nội dung huấn luyện phù hợp với yêu cầu đặc thù của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

3. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, gửi báo cáo về công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động về cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương nơi cơ sở sản xuất, kinh doanh có trụ sở chính và nơi có người lao động đang làm việc như sau:

a) Báo cáo Sở Nội vụ về công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong báo cáo tình hình thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động tại cơ sở;

b) Báo cáo Sở Y tế về việc thực hiện công tác quan trắc môi trường lao động tại cơ sở.

4. Chi trả đầy đủ tiền lương và bảo đảm quyền lợi khác cho đối tượng thuộc quyền quản lý trong thời gian tham dự huấn luyện theo quy định của pháp luật.

5. Thanh toán chi phí kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động, đánh giá điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

6. Trường hợp sử dụng người lao động theo hình thức khoán việc, thông qua nhà thầu, thuê lại lao động, người sử dụng lao động (trong trường hợp cho thuê lại lao động là người sử dụng lao động của bên thuê lại lao động) phải chịu trách nhiệm tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định tại Nghị định này.

7. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu gồm: Hồ sơ, kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; hồ sơ, kết quả quan trắc môi trường lao động.

8. Lưu giữ hồ sơ huấn luyện theo quy định tại khoản 5 Điều 23.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc công nhận, công bố đủ điều kiện hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục hoạt động cho đến hết thời hạn hoạt động đã được công nhận. Khi thực hiện kiểm định phải bảo đảm điều kiện quy định tại Nghị định này.

2. Chứng chỉ Kiểm định viên, Giấy chứng nhận người huấn luyện, Chứng nhận, Chứng chỉ huấn luyện đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực có giá trị đến khi hết thời hạn ghi trên Chứng chỉ, Chứng nhận đã được cấp.

3. Thủ tục hành chính phát sinh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính

thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
3. Chương I Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
4. Chương II Nghị định 4/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
5. Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp trong lĩnh vực thương mại và công nghiệp hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
6. Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
7. Điều 11 Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
8. Hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng được áp dụng quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực này có quy định khác.
9. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b)

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng

PHỤ LỤC Ia
PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI MÁY, THIẾT BỊ,
VẬT TƯ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG
(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

TT	Phạm vi trách nhiệm được phân công
I	Thẩm quyền của Bộ Nội vụ
1	Nồi hơi; Nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115 °C; Nồi gia nhiệt dầu.
2	Các bình, bồn, bể chịu áp lực (bao gồm chai chứa khí hóa lỏng).
3	Hệ thống đường ống áp lực; Hệ thống lạnh; Hệ thống điều chế, nạp khí, khí hóa lỏng, khí hòa tan.
4	Thiết bị nâng, gồm: máy vận thăng; cần trục, cầu trục, cổng trục, máy nâng (bàn nâng, sàn nâng, cầu nâng, Pa lăng, tời...), xe nâng hàng, xe nâng người.
5	Thang máy, thang cuốn, băng tải chở người.
6	Máy, thiết bị phục vụ mục đích vui chơi, giải trí; hệ thống cáp treo chở người.
7	Thiết bị an toàn, thiết bị cảnh báo an toàn cho người lao động.
II	Thẩm quyền của Bộ Công Thương
1	Cột chống thủy lực đơn, giá khung di động và dàn chống tự hành cấu tạo từ các cột chống thủy lực đơn sử dụng trong việc chống giữ lò trong khai thác hầm lò.
2	Máy biến áp phòng nổ
3	Động cơ điện phòng nổ.
4	Thiết bị phân phối, đóng cắt phòng nổ (khởi động từ, khởi động mềm, Aptomat, máy cắt điện tự động, biến tần, rơ le dòng điện rò).
5	Thiết bị Điều khiển phòng nổ (bảng Điều khiển, hộp nút nhấn).
6	Máy phát điện phòng nổ.
7	Cáp điện phòng nổ.
8	Đèn chiếu sáng phòng nổ.
9	Máy nổ mìn điện.
III	Thẩm quyền của Bộ Xây dựng
1	Hệ thống cốp pha trượt.
2	Hệ thống cốp pha leo.

3	Hệ giàn thép ván khuôn trượt.
4	Máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc chuyên dùng có hệ thống tời nâng.
5	Máy bơm bê tông.
6	Máy thi công công trình hầm, ngầm: Máy và thiết bị trong các công nghệ đào hở; Máy và thiết bị trong các công nghệ đào kín; Máy thi công tuyến ngầm bằng công nghệ khiên và tổ hợp khiên; Máy sản xuất bê tông công trình ngầm (trừ các máy, thiết bị được quy định kiểm định theo luật chuyên ngành).
7	Hệ giàn giáo thép; thanh, cột chống tổ hợp.
8	Các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt, sử dụng trên phương tiện giao thông vận tải: tàu biển, phương tiện thủy nội địa, đường bộ, đường sắt, hàng không (trừ các máy, thiết bị lắp đặt, sử dụng trên phương tiện giao thông vận tải được quy định kiểm định theo luật chuyên ngành).
9	Các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động lắp đặt, sử dụng trên các công trình trên biển phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí; hệ thống đường ống dẫn dầu, khí đốt trên biển.
IV	Thẩm quyền của Bộ Quốc phòng
	Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phục vụ quốc phòng.

PHỤ LỤC Ib

BIỂU MẪU VỀ CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG
(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu 01	Mẫu đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
Mẫu 02	Mẫu danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định
Mẫu 03	Mẫu danh sách kiểm định viên
Mẫu 04	Mẫu đơn đề nghị cấp lại/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
Mẫu 05	Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
Mẫu 06	Mẫu đơn đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên
Mẫu 07	Mẫu đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên
Mẫu 08	Mẫu chứng chỉ kiểm định viên
Mẫu 09	Mẫu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định
Mẫu 10	Mẫu tem kiểm định
Mẫu 11	Mẫu báo cáo định kỳ tình hình hoạt động kiểm định của tổ chức kiểm định
Mẫu 12	Mẫu báo cáo tự kiểm tra bảo đảm điều kiện cấp giấy chứng nhận
Mẫu 13	Mẫu phiếu khai báo sử dụng đối tượng kiểm định

Mẫu 01: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... Cơ quan cấp: cấp ngày tại

3. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các đối tượng kiểm định sau đây:

STT	Tên đối tượng kiểm định <i>(Theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành)</i>	Quy trình kiểm định thực hiện <i>(điền số hiệu quy trình)</i>
1		
2		

Đề nghị quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho ... (tên tổ chức) theo phạm vi nêu trên.

4. Tài liệu gửi kèm theo gồm có:.....

5. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số)

Mẫu 02: MẪU DANH MỤC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHỤC VỤ KIỂM ĐỊNH

(TÊN TỔ CHỨC)

DANH MỤC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHỤC VỤ KIỂM ĐỊNH

TT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	TÌNH TRẠNG HIỆU CHUẨN/ KIỂM ĐỊNH	THỜI HẠN HIỆU CHUẨN	MÃ SỐ CHẾ TẠO THIẾT BỊ	TÌNH TRẠNG THIẾT BỊ
1						
2						
3						
4						

....., ngày tháng năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....

(ký tên, đóng dấu hoặc ký số)

Mẫu 03: MẪU DANH SÁCH KIỂM ĐỊNH VIÊN

(TÊN TỔ CHỨC)

DANH SÁCH KIỂM ĐỊNH VIÊN

STT	Họ và tên	Số hiệu kiểm định viên (nếu có)	Phạm vi kiểm định	Số hợp đồng lao động/loại hợp đồng lao động
1				
2				
3				
4				
.....				

....., ngày ... tháng ... năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....

(ký tên, đóng dấu hoặc ký số)

**Mẫu 04: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU
KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao
động**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:
- Điện thoại:Fax: E-mail:
2. Được thành lập theo Quyết định/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số Cơ quan cấp:cấp ngày tại
3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đã được cấp số:; Ngày hết hiệu lực:
4. Đề nghị quý Cơ quan xem xét và cấp lại/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo phạm vi sau đây:

STT	Tên đối tượng kiểm định <i>(Theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành)</i>	Quy trình kiểm định thực hiện <i>(Điền số hiệu quy trình kiểm định)</i>
1		
2		

- Lý do (trong trường hợp đề nghị gia hạn, không cần điền thông tin ở mục này) ...

5. Tài liệu kèm theo gồm có: -

6. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo;
- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC.....

(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số)

Mẫu 05: MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

**TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

TÊN TỔ CHỨC:

Địa chỉ:

Mã số đăng ký chứng nhận:

ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

PHẠM VI KIỂM ĐỊNH ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN: Chi tiết tại *Quyết định số...*

Ngày cấp:

Ngày hết hiệu lực:

Cấp lần thứ:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mã tra cứu thông tin tổ chức kiểm định

Mẫu 06: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp chứng chỉ kiểm định viên**

Kính gửi:

Họ và tên:Ngày sinh

Địa chỉ:

Số căn cước công dân:.....

Điện thoạiE-mail:

Đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên với phạm vi sau đây:

TT	Phạm vi đề nghị	
	Tên đối tượng kiểm định	Quy trình thực hiện kiểm định (điều số hiệu quy trình kiểm định)
		
		

Hồ sơ kèm theo gồm có:

-

-

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo;

- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên và ghi rõ họ tên hoặc ký số)

Mẫu 07: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên**

Kính gửi:

Họ và tên:Ngày sinh

Địa chỉ:

Số căn cước công dân:.....

Điện thoạiE-mail:

Đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên số hiệu :

Lý do/Nội dung đề nghị cấp lại:

Hoặc đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên với phạm vi đề nghị bổ sung sau đây:

TT	Phạm vi đề nghị cấp bổ sung	
	Tên đối tượng kiểm định	Quy trình thực hiện kiểm định (điều số hiệu quy trình kiểm định)
		
		

Hồ sơ kèm theo gồm có:

-
-

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo;
- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên và ghi rõ họ tên hoặc ký số)

Mẫu 08: MẪU CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN**TÊN CƠ QUAN CẤP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN*Số hiệu: số CCCD¹/KĐVAT*

Họ và tên:Ngày sinh:

Số căn cước công dân/hộ chiếu (đối với người ngoài):

Điện thoại:.....

Phạm vi kiểm định:

STT	Tên đối tượng kiểm định <i>(theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động)</i>	Lĩnh vực <i>(điền tên Bộ quản lý lĩnh vực)</i>
1		
2		

Ngày hết hạn:

Cấp lần thứ:²Mã tra cứu thông
tin kiểm định viên

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP*(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*¹ Điền số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu đối với người nước ngoài.² Tiếp tục kế thừa các lần cấp trước khi Nghị định này có hiệu lực (trường hợp kiểm định viên có nhiều chứng chỉ thì tiếp tục lấy từ Chứng chỉ có số lần cấp lớn nhất).

Mẫu 09: MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

(MẶT TRƯỚC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

No: (Số seri)

(MẶT SAU)

TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH

Địa chỉ:

Điện thoại: Số đăng ký chứng nhận:...(1)...

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng:

Địa chỉ:

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định:

Mã hiệu: Số chế tạo:

Nhà sản xuất/nước sản xuất: Năm chế tạo:

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

Địa điểm lắp đặt:

Đã được kiểm định (lần đầu, định kỳ, bất thường) đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số
 ngày tháng ... năm

Tem kiểm định số:

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày:(*)

Mã tra cứu

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất

(1) Số đăng ký chứng nhận của Tổ chức kiểm định do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Mẫu 10: MẪU TEM KIỂM ĐỊNH

TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH Mã số tổ chức kiểm định: Địa chỉ/Số điện thoại:	TEM KIỂM ĐỊNH Số seri:	A
	Tên đối tượng:	
	Mã hiệu:	
	Ngày kiểm định: ngày tháng năm 20...	
	Có hiệu lực đến: ngày tháng năm 20...	
C	B	

Chú thích:

- Ngày kiểm định: ghi ngày, tháng, năm kiểm định (ví dụ: ngày 01 tháng 05 năm 2014).
- Có hiệu lực đến ngày: ghi ngày, tháng, năm hết hiệu lực của tem kiểm định (ví dụ: ngày 01 tháng 05 năm 2016).
- Số seri: là các số tự nhiên kế tiếp nhau để quản lý và theo dõi, số màu đỏ.
- Nền tem màu vàng, viền màu xanh, có chi tiết, hoa văn có thể do đơn vị kiểm định tự chọn.
- Màu chữ: “Tên đơn vị kiểm định”: màu đỏ; các chữ còn lại: màu đen.
- Kích thước của tem:
 - $B = 5/6 A$;
 - $C = 1/5 B$.
- Đối với tem được làm phải bằng vật liệu có độ bền cao (không phải áp dụng màu sắc tem và màu chữ thể hiện trên tem tại chú thích 4, 5).

Mẫu 11: MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH

TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH

Số đăng ký chứng nhận:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH NĂM...

(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

Kính gửi:

Thực hiện quy định tại Nghị định số .../2026/NĐ-CP, ...(tên đơn vị kiểm định)... báo cáo tình hình hoạt động kiểm định như sau:

BẢNG 1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH MÁY, THIẾT BỊ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

STT	Tên địa phương	Số lượng đối tượng đã kiểm định đạt yêu cầu	
		Lần đầu	Định kỳ
1			
2			
.....			
	Tổng số	...	...

BẢNG 2. PHÂN LOẠI THIẾT BỊ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

Đối tượng kiểm định (ghi tên đối tượng kiểm định theo Danh mục máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành)	Đơn vị tính	Kiểm định Lần đầu/ Định kỳ	Số lượng đối tượng đã kiểm định đạt yêu cầu
1		Lần đầu	
		Định kỳ	
2		Lần đầu	
		Định kỳ	
.....		Lần đầu	
		Định kỳ	
Tổng số		Lần đầu	
		Định kỳ	

Đánh giá, kiến nghị, đề xuất:

- Đánh giá công tác kiểm định.
- Những vấn đề nảy sinh trong quá trình kiểm định.
- Đề xuất, kiến nghị đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nâng cao hoạt động kiểm định./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 12: MẪU BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số đăng ký chứng nhận:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số:

....., ngày tháng ... năm

BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN NĂM...

(Từ ngày 01/01/20.... đến ngày 01/12/20...)

Kính gửi:

Thực hiện quy định tại Nghị định số/2026/NĐ-CP, ...(tên đơn vị kiểm định)... tự rà soát việc bảo đảm các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định và báo cáo như sau:

1. Bảo đảm điều kiện về kiểm định viên:

Họ và tên kiểm định viên	Số hiệu kiểm định viên	Loại hợp đồng	Trạng thái đăng ký (có/không?)

2. Bảo đảm điều kiện về dụng cụ, thiết bị phục vụ công tác kiểm định:

TT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	TÌNH TRẠNG HIỆU CHUẨN/ KIỂM ĐỊNH	THỜI HẠN HIỆU CHUẨN	MÃ SỐ CHẾ TẠO THIẾT BỊ	HIỆN TRẠNG (đã đăng ký/thêm mới)
1						
2						
3						
4						

3. Bảo đảm điều kiện về người phụ trách kỹ thuật

Họ và tên người phụ trách kỹ thuật	Loại hợp đồng	Trạng thái đăng ký (có/không?)

4. Đánh giá, kiến nghị, đề xuất:

a) Đánh giá việc duy trì điều kiện cấp Giấy chứng nhận (liên tục hay gián đoạn):

b) Những vấn đề nảy sinh:

c) Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

5. Cam kết: Chúng tôi cam kết tính đầy đủ và chính xác của các thông tin trong báo cáo trên và chịu hoàn toàn trước pháp luật về nội dung báo cáo./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 13: MẪU PHIẾU KHAI BÁO SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KHAI BÁO SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH ⁽¹⁾

Kính gửi: (tên cơ quan tiếp nhận khai báo)....

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH ⁽¹⁾

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
 2. Địa chỉ:
 3. Điện thoại: 4. Fax: 5. E-mail:.....

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI BÁO ⁽²⁾

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
 2. Địa chỉ:
 3. Điện thoại: 4. Fax: 5. E-mail:.....

III. NỘI DUNG KHAI BÁO

TT	Tên đối tượng kiểm định	Số thứ tự trong Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Số lượng	Nơi lắp đặt, sử dụng đối tượng kiểm định
Ví dụ	Bình chịu áp lực	4	1	Số nhà, tên đường, xã (phường), tỉnh
2				
....				

., ngày.... tháng.... năm....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc ký số)

⁽¹⁾ Trường hợp áp dụng khai báo trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử về kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thì không phải khai theo Mẫu này.

⁽²⁾ Người khai báo đồng thời là người sử dụng thì không cần khai báo mục II này.

PHỤ LỤC II
BIỂU MẪU VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ
SINH LAO ĐỘNG
(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu 01	Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.
Mẫu 02	Thẻ an toàn lao động.
Mẫu 03	Sổ theo dõi huấn luyện của người sử dụng lao động.
Mẫu 04	Sổ theo dõi kết quả cung cấp dịch vụ huấn luyện của tổ chức huấn luyện , đơn vị tự tổ chức huấn luyện.
Mẫu 5	Hồ sơ hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động, làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.
Mẫu 6	Báo cáo định kỳ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

Mẫu 01: Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

Mặt ngoài: kích thước 13x19cm

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý 1- Xuất trình giấy khi được người có thẩm quyền yêu cầu. 2- Không được tẩy xóa, sửa chữa, tự ghi vào Giấy chứng nhận. 3- Không được cho người khác mượn. 4- Khi thất lạc phải báo ngay cho Tổ chức huấn luyện nơi cấp Giấy chứng nhận. Trang 4	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----- GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG Trang 1
--	---

Mặt trong:

Ảnh màu 3cm x 4 cm, đóng dấu giáp lại	GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG Số:	NỘI DUNG HUẤN LUYỆN Trang 3
1. Họ và tên: 2. Nam Nữ: 3. Ngày, tháng, năm sinh: 4. Quốc tịch: Số CMND/Căn cước/hộ chiếu 5. Chức vụ: 6. Đối tượng huấn luyện 7. Đơn vị công tác 8. Đã hoàn thành khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động được tổ chức từ ngày .../... /..... đến ngày ... /.... /..... 9. Kết quả đạt loại: 10. Giấy chứng nhận có giá trị 05 năm. Từ ngày .../.../..... đến ngày .../... /..... , ngày tháng năm Người cấp giấy chứng nhận (Ký tên, đóng dấu) Trang 2		

Mẫu 02: Thẻ an toàn lao động

Kích thước thẻ: 60mm x 90mm

Mặt trước

Mặt sau

(1) (2) THẺ AN TOÀN LAO ĐỘNG		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THẺ AN TOÀN LAO ĐỘNG	
	Ảnh 3x4, đóng dấu giáp lai	Họ và tên: Sinh ngày:/...../..... Công việc: Đã hoàn thành khóa huấn luyện: Từ ngày/....../20 đến ngày ../.../20, ngày/....../..... (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu) Thẻ có giá trị đến ngày/....../.....	
Số:...../(3)...../TATLĐ			

(1) Tên cơ quan chủ quản cơ sở cấp thẻ nếu có (chữ in hoa, cỡ 10)

(2) Tên cơ sở cấp thẻ (chữ in hoa đậm, cỡ 10).

(3) Năm cấp thẻ an toàn.

Ghi chú: Trường hợp tổ chức, đơn vị có thể tích hợp thẻ điện tử thì chỉ cần có đủ các thông tin xác thực về khóa huấn luyện mà mẫu thẻ này yêu cầu hoặc sử dụng thẻ điện tử, không cần tuân theo kích thước thẻ.

Mẫu 03: Sổ theo dõi huấn luyện của người sử dụng lao động**TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**

SỔ THEO DÕI CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**Năm 20.....****I. NHÓM 1**

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày... đến ngày...	Kết quả	Số Giấy chứng nhận	Nơi cấp	Chữ ký
1									
2									
...									

II. NHÓM 2

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày... Đến ngày...	Kết quả	Số Giấy chứng nhận	Nơi cấp	Chữ ký
1									
2									
...									

III. NHÓM 3

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày... đến ngày...	Kết quả	Tổ chức/đơn vị huấn luyện	Số thẻ an toàn, ngày cấp	Chữ ký
1									
2									
...									

IV. NHÓM 4

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày... đến ngày...	Kết quả	Tổ chức/đơn vị huấn luyện	Chữ ký
1								
2								
...								

V. NHÓM 5

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày ... đến ngày...	Kết quả	Số Giấy chứng nhận	Tổ chức, đơn vị huấn luyện cấp	Chữ ký
1									
2									
...									

VI. NHÓM 6

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày... đến ngày...	Kết quả	Số Giấy chứng nhận	Tên tổ chức cấp giấy chứng nhận	Chữ ký
1									
2									
...									

VII. NGƯỜI HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày... đến ngày...	Kết quả	Số Giấy chứng nhận và tổ chức	Chữ ký
----	--------	----------	-----------	--------------	-----------------------------------	---------	-------------------------------	--------

							cấp giấy chứng nhận	
I	Huấn luyện người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (lần đầu)							
1								
2								
...								
II	Định kỳ cập nhật kiến thức, thông tin cho người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động							
1								
2								
...								

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***NGƯỜI VÀO SỔ***(Ký, ghi rõ họ tên theo từng đợt vào sổ)*

Mẫu 04: Sổ theo dõi kết quả cung cấp dịch vụ huấn luyện của tổ chức huấn luyện, đơn vị tự tổ chức huấn luyện

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

SỔ THEO DÕI CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG
Năm 20.....

I. NHÓM 1

T T	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày... đến ngày...	Chữ ký	Kết quả	Số Giấy chứng nhận
1								
2								
...								

II. NHÓM 2

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày... đến ngày...	Chữ ký	Kết quả	Số Giấy chứng nhận
1								
2								
...								

III. NHÓM 3

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày... đến ngày...	Chữ ký	Kết quả	Số thẻ an toàn, ngày cấp
1								
2								
...								

Ghi chú: Chỉ ghi vào cột số thẻ an toàn, ngày cấp đổi với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

IV. NHÓM 4

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày... đến ngày...	Chữ ký	Kết quả
1							
2							
...							

V. NHÓM 5

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày ... đến ngày...	Chữ ký	Kết quả	Số Giấy chứng nhận
1								
2								
...								

VI. NHÓM 6

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày... đến ngày...	Chữ ký	Kết quả	Số Giấy chứng nhận
1								
2								
...								

VII. NGƯỜI HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

TT	Họ tên	Năm sinh	Công việc	Nơi làm việc	Huấn luyện từ ngày... đến ngày...	Chữ ký	Kết quả	Số Giấy chứng
----	--------	----------	-----------	--------------	-----------------------------------	--------	---------	---------------

								nhận
I	Huấn luyện người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (lần đầu)							
1								
2								
...								
II	Định kỳ cập nhật kiến thức, thông tin cho người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động							
1								
2								
...								

THỦ TRƯỞNG*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***NGƯỜI VÀO SỔ***(Ký, ghi rõ họ tên theo từng đợt vào sổ)*

Mẫu 5: Hồ sơ hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động, làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động

SỞ NỘI VỤ TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

SỔ THEO DÕI CẤP GIẤY HỖ TRỢ HUẤN LUYỆN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC KHÔNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG LÀM CÔNG VIỆC YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG
Năm 20.....

TT	Họ tên	Năm sinh	Số căn cước	Công việc	Huấn luyện từ ngày... đến ngày...	Kết quả	Số thẻ an toàn và tên tổ chức cấp	Chữ ký
1								
2								
...								

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGƯỜI VÀO SỔ

(Ký, ghi rõ họ tên theo từng đợt vào sổ)

Mẫu 6: Báo cáo định kỳ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC/DOANH
NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ NĂM.....
HOẠT ĐỘNG HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email:

Địa chỉ chi nhánh/cơ sở huấn luyện khác (nếu có):

3. Kết quả hoạt động huấn luyện:

TT	Đối tượng huấn luyện	Số người được huấn luyện	Số người được cấp Giấy chứng nhận	Số người được cấp Thẻ an toàn
1	Nhóm 1			
2	Nhóm 2			
3	Nhóm 3			
4	Nhóm 4			
5	Nhóm 5			
6	Nhóm 6			
7	Tổng từ 1 đến 6			
8	Huấn luyện người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động			
9	Định kỳ cập nhật kiến thức, thông tin cho người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động			
10	Tổng 8 và 9			
11	Tổng 7 và 10			

4. Việc duy trì điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ người huấn luyện đáp ứng yêu cầu hoạt động huấn luyện:

5. Kết quả hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong Bộ Quốc phòng³:

- Số cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát:

- Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra, giám sát:

- Số sai phạm phát hiện:

6. Đề xuất, kiến nghị:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

³ Nội dung này chỉ áp dụng riêng đối với Bộ Quốc phòng.

PHỤ LỤC III

BIỂU MẪU PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu 01: Mẫu Đơn đề nghị công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động,

1. Tên tổ chức: (GHI CHỮ IN ĐẬM)

.....

2. Người đại diện: Chức vụ:

.....

3. Địa chỉ:

.....

4. Số điện thoại: Số fax:

.....

Địa chỉ E_mail: Web-site:

.....

5. Lĩnh vực đề nghị được công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động:

5.1. Yếu tố vi khí hậu:

- Nhiệt độ:

- Độ ẩm:

- Tốc độ gió:

- Bức xạ nhiệt:

5.2. Yếu tố vật lý:

- Ánh sáng:

- Tiếng ồn theo dải tần

- Rung chuyển theo dải tần

- Vận tốc rung đứng hoặc ngang

- Phóng xạ

- Điện từ trường tần số công nghiệp

- Điện từ trường tần số cao

- Bức xạ tử ngoại

- Các yếu tố vật lý khác (ghi rõ)

.....

5.3. Yếu tố bụi các loại:

- Bụi toàn phần:
- Bụi hô hấp:
- Bụi thông thường:
- Bụi silic: phân tích hàm lượng silic tự do
- Bụi amiăng:
- Bụi kim loại (chì, mangan, cadimi,... đề nghị ghi rõ)
- Bụi than:
- Bụi talc:
- Bụi bông:
- Các loại bụi khác (ghi rõ)

.....

5.4. Yếu tố hơi khí độc (Liệt kê ghi rõ theo các yếu tố có giới hạn cho phép theo quy chuẩn vệ sinh lao động) như:

- Thủy ngân:
- Asen:
- Oxit cac bon:
- Benzen và các hợp chất (Toluene, Xylene):
- TNT:
- Nicotin:
- Hóa chất trừ sâu:
- Các hóa chất khác (Ghi rõ)

.....

5.5. Yếu tố tâm sinh lý và ec-gô-nô-my

Đánh giá gánh nặng thần kinh tâm lý:

Đánh giá ec-gô-nô-my:

5.6. Đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp

- Yếu tố vi sinh vật
- Yếu tố gây dị ứng, mẫn cảm
- Dung môi
- Yếu tố gây ung thư

5.7. Các yếu tố khác (Liệt kê rõ)

-
-
-

Hồ sơ công bố năng lực theo quy định được gửi kèm theo.

Tổ chức cam kết toàn bộ các nội dung đã công bố đủ điều kiện trên đây là hoàn toàn đúng sự thật.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục QLMTYT-Bộ Y tế;
- Lưu: VT.

Mẫu 02: Mẫu Hồ sơ công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20.....

HỒ SƠ CÔNG BỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

A. THÔNG TIN CHUNG

I. Tên tổ chức đề nghị công bố:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Địa chỉ Email Website

II. Cơ quan chủ quản:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Địa chỉ Email Website

III. Lãnh đạo tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Địa chỉ Email:

IV. Người liên lạc:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Địa chỉ Email:

(Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Quyết định của cấp có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài phải có Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam gửi kèm theo).

B. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC

1. điều kiện về trụ sở, cơ sở vật chất, diện tích làm việc

- Trụ sở làm việc: Có ☐ Không ☐

- Tổng diện tích:m²;

+ Khu vực hành chính và tiếp nhận mẫum²;

+ Phòng xét nghiệm bụi và các yếu tố vật lým²;

+ Phòng xét nghiệm hóa học và sinh hóam²;

+ Phòng xét nghiệm các yếu tố vi sinh:m²;

+ Phòng thí nghiệm tâm sinh lý và ec-gô-nô-mym²;

+ Phòng bảo quản thiết bị quan trắc môi trường lao độngm²;

(Kèm theo sơ đồ vị trí địa lý và sơ đồ bố trí trang thiết bị của phòng xét nghiệm).

2. Cán bộ thực hiện quan trắc môi trường lao động

- Danh sách cán bộ thực hiện quan trắc môi trường lao động:

Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức vụ (trong tổ chức)	Trình độ chuyên ngành	Số năm công tác trong ngành
-----------	----------	-----------	-------------------------	-----------------------	-----------------------------

(Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng kèm theo).

3. Danh mục thiết bị (hiện có)

TT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật chính	Mã hiệu	Hãng/nước sản xuất	Ngày nhận	Ngày sử dụng	Tần suất hiệu chuẩn	Nơi hiệu chuẩn

- điều kiện phòng bảo quản thiết bị:

+ Nhiệt độ: $^{\circ}\text{C} \pm ^{\circ}\text{C}$

+ Độ ẩm: $\% \pm \%$

+ điều kiện khác:

4. Thông số và các phương pháp đo, phân tích tại hiện trường

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo

5. Thông số và các phương pháp phân tích trong phòng xét nghiệm

TT	Tên thông số	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo	Độ không đảm bảo đo

6. Các tài liệu kèm theo

- Sổ tay chất lượng

- Phương pháp quan trắc, phân tích tại hiện trường/hiệu chuẩn ☐

- Các tài liệu liên quan khác: (đề nghị liệt kê) ☐

- Hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật với đơn vị, tổ chức đã thực hiện công bố đủ năng lực thực hiện quan trắc môi trường lao động. ☐

(Trường hợp cơ sở chỉ thực hiện được việc lấy mẫu, bảo quản, đo, thử nghiệm tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm của 70% các yếu tố quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 33 Nghị định này phải có thêm Hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật với đơn vị, tổ chức đã thực hiện công bố đủ năng lực thực hiện quan trắc môi trường lao động để đảm bảo thực hiện được đầy đủ và có chất lượng các yếu tố cần quan trắc trong môi trường lao động).

7. Phòng xét nghiệm đã được chứng nhận/công nhận trước đây

Có ☐ Chưa ☐

(Nếu có, đề nghị photo bản sao có chứng thực các chứng nhận kèm theo)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 03: Mẫu Kế hoạch quan trắc môi trường lao động

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

KẾ HOẠCH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Căn cứ hồ sơ vệ sinh môi trường lao động và kết quả khảo sát thực tế ngày...tháng... năm tại...

1. Đơn vị được quan trắc:

1.1. Tên đơn vị:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Người liên hệ:

Số ĐT:

Email:

2. Thời gian quan trắc:

2.1. Thời gian quan trắc hiện trường: ngày...tháng...năm...

2.2. Thời gian trả kết quả quan trắc: ngày...tháng...năm...

3. Nhân lực tham gia quan trắc:

STT	Họ và tên	Bộ phận công tác	Nhiệm vụ (ghi rõ tên từng chỉ tiêu quan trắc)	Ghi chú

4. Vị trí và thông số quan trắc:

STT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc						
		Vi khí hậu	Ánh sáng	Tiếng ồn	Rung toàn thân	Rung cục bộ	Bụi hô hấp	

5. Thiết bị và phương pháp quan trắc:

5.1. Thông số do đơn vị thực hiện:

STT	Thông số quan trắc	Thiết bị đo, lấy mẫu (Model – Hãng)	Thiết bị phân tích (nếu có) (Model – Hãng)	Phương pháp xác định

--	--	--	--	--

5.2. Thông số do đơn vị liên kết..... thực hiện:

STT	Thông số quan trắc	Thiết bị đo, lấy mẫu (Model – Hãng)	Thiết bị phân tích (nếu có) (Model – Hãng)	Phương pháp xác định

6. Yêu cầu chuẩn bị:

6.1. Yêu cầu đảm bảo an toàn:

6.2. Yêu cầu đảm bảo chuyên môn:

6.3. Yêu cầu khác:

Trách nhiệm trước khi triển khai:

- Thông báo, trao đổi với đơn vị: ngày ... tháng ... năm

- Thông báo cho Sở Y tế trên địa bàn: ngày ... tháng ... năm

Cán bộ xây dựng kế hoạch

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 04: Mẫu Báo cáo kết quả thực hiện quan trắc môi trường lao động

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

(Được lưu giữ cùng với Hồ sơ vệ sinh lao động)

Ngày tháng năm

Tại:

Năm.....

TỈNH, THÀNH PHỐ...

CƠ SỞ QMTLĐ:

Số: .../MTLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Thực hiện Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ.

(Tên cơ sở tiến hành quan trắc môi trường lao động):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Do ông/bà: làm đại diện.

đã tiến hành quan trắc môi trường lao động tại:

Ngày... tháng...năm 20...

Phương pháp:

Đo các chỉ số vi khí hậu, bụi, ánh sáng, hơi độc, phóng xạ, điện từ trường tại các vị trí kỹ thuật theo phương pháp

Thiết bị đo:

- Thực hiện quan trắc các yếu tố có hại** đã được người sử dụng lao động ghi trong Hồ sơ vệ sinh lao động bao gồm:

Lý do đề xuất:

I. CÁC YẾU TỐ VI KHÍ HẬU (ghi giá trị thực của mẫu quan trắc được)

Giới hạn cho phép		Nhiệt độ (°C)		Độ ẩm (%)		Tốc độ gió (m/s)		Bức xạ nhiệt	
Số TT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
Tổng số									

1. Ánh sáng (Lux)

Giới hạn cho phép (theo phân loại lao động theo độ chính xác)			
Số TT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
Tổng số			

Giới hạn cho phép								
Vị trí lao động	Mức âm hoặc	Mức âm dB ở các dải ôc-ta với tần số trung bình nhân (Hz) không vượt qua						

	mức âm tương đương không quá dBA	dB							
		63	125	250	500	1000	2000	4000	8000

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu ồn: _____

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: _____

3. Rung chuyển (ghi giá trị thực của mẫu quan trắc được)

Giới hạn cho phép				
TT	Vị trí lao động	Dải tần rung	Vận tốc rung	
			Rung đứng	Rung ngang

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu rung: _____

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: _____

III. BỤI CÁC LOẠI (ghi giá trị thực của mẫu quan trắc được)

1. Bụi có chứa silic

1. Bụi có chứa silic						
Giới hạn cho phép						
TT	Vị trí lao động	Hàm lượng silic tự do	Nồng độ bụi toàn phần		Nồng độ bụi hô hấp	
			Lấy theo ca	Lấy theo thời điểm	Lấy theo ca	Lấy theo thời điểm

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu bụi: _____

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: _____

2. Bụi khác (ghi giá trị thực của mẫu đo được)

2. Bụi khác (gồm giá trị thực của mẫu đo được)						
Giới hạn cho phép						
TT	Vị trí lao động	Hàm lượng bụi	Nồng độ bụi toàn phần		Nồng độ bụi hô hấp	
			Lấy theo ca	Lấy theo thời điểm	Lấy theo ca	Lấy theo thời điểm

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu bụi: _____

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: _____

IV. HƠI KHÍ ĐỘC (ghi giá trị thực của mẫu quan trắc được)

Tên hóa chất			
Giới hạn cho phép			

Số TT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
Tổng số							

V. YẾU TỐ PHÓNG XẠ, ĐIỆN TỪ TRƯỜNG

Giới hạn cho phép					
TT	Vị trí lao động	Yếu tố phóng xạ		Yếu tố từ trường	
		Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
	Tổng số				

VI. ĐÁNH GIÁ YẾU TỐ TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP

TT	Vị trí làm việc	Mô tả nội dung công việc	Số lượng người tiếp xúc	Yếu tố tiếp xúc	Bệnh nghề nghiệp có thể phát sinh

VII. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ YẾU TỐ TÂM SINH LÝ VÀ ÉC-GÔ-NÔ-MY

.....

.....

.....

.....

VIII. CÁC YẾU TỐ KHÁC (ghi giá trị thực của mẫu quan trắc được)

Tên yếu tố							
Giới hạn cho phép							
Số TT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt TC	Số mẫu không đạt
Tổng số							

TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

TT	Yếu tố quan trắc	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
1	Nhiệt độ			
2	Độ ẩm			

3	Tốc độ gió						
4	Bức xạ nhiệt						
5	Ánh sáng						
6	Bụi	Silic	Khác	Silic	Khác	Silic	Khác
	- Bụi toàn phần						
	- Bụi hô hấp						
	- Các loại bụi khác						
7	Ồn						
8	Rung						
9	Hơi khí độc						
	-						
	-						
	...						
10	Phóng xạ						
11	Điện từ trường						
12	Yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp						
	-						
	-						
	...						
13	Bánh giá yếu tố tâm sinh lý và ec-gô-nô-my						
	-						
	-						
	...						
14	Các yếu tố khác						
	-						
	-						
	...						
	Tổng cộng						

KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Giải pháp về biện pháp kỹ thuật

- _____
- _____
- _____
- _____

2. Giải pháp về biện pháp tổ chức lao động

- _____
- _____
- _____

- _____

3. Giải pháp về giám sát y tế và sức khỏe

- _____

- _____

- _____

- _____

4. Các giải pháp về phương tiện bảo hộ lao động cá nhân

- _____

- _____

- _____

- _____

5. Các giải pháp khác

- _____

- _____

- _____

- _____

Tại các vị trí quan trắc các yếu tố có hại không đạt giới hạn cho phép (đã được nêu ở trên) đề nghị đơn vị có trách nhiệm xem xét các khuyến nghị để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và giải quyết các chế độ theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký tên và đóng dấu)